

# SẢN XUẤT SẠCH HƠN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG XU THẾ TOÀN CẦU VÀ Ở VIỆT NAM

LÊ THÀNH Ý\*

*Tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam có Quyết định 1393/QĐ-TTg chính thức phê duyệt “Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050”. Chiến lược khẳng định, tăng trưởng xanh là nội dung của phát triển bền vững; đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và góp phần quan trọng vào thực hiện chiến lược quốc gia về Biến đổi khí hậu. Theo đó, đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch hơn là một trong những nội dung cốt lõi.*

## 1. Sản xuất sạch hơn từ góc nhìn tiêu dùng bền vững toàn cầu

Cho đến nay, tính phổ cập trong phát triển kinh tế, đặc biệt ở những nước đang phát triển còn theo phương thức sản xuất và tiêu dùng chưa bền vững. Quá trình toàn cầu hóa (TCH) và tự do hóa (TDH) thương mại, được thúc đẩy bởi tiến bộ công nghệ đã làm thay đổi nhanh chóng diện mạo thế giới cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Tổ chức Liên Hợp Quốc (UN) khẳng định “*Tiêu dùng bền vững là việc sử dụng hàng hóa và dịch vụ để đáp ứng những nhu cầu cơ bản và nâng cao chất lượng cuộc sống trong khi sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên và các chất độc hại, đồng thời giảm phát thải và chất gây ô nhiễm trong chu trình sống và không làm tổn hại tới việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau*” (UN1995). Từ bản chất của kinh tế xanh trong phát triển bền vững, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam với tầm nhìn 2050 xác định, *sản phẩm xanh là sản phẩm không độc hại; sử dụng năng lượng, nước hiệu quả và vô hại đối với môi trường* (Thủ tướng Chính phủ 2012).

Trong bối cảnh hội nhập, nhân loại ngày càng quan tâm hơn về biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, giảm sút đa dạng sinh học và những vấn đề xã hội liên quan đến đói nghèo, sức khỏe con người, điều kiện làm việc, an toàn và bất bình đẳng. Mối quan tâm này đã thúc đẩy mạnh cách tiếp cận phát triển bền vững và tiêu chí phát triển sản phẩm bền vững đã trở thành công cụ đánh giá hữu hiệu. Đổi mới sản phẩm ngày nay được coi là một

trong những lựa chọn chiến lược phát triển chuỗi cung ứng với 3 trụ cột môi trường, kinh tế, xã hội liên quan đến trái đất, con người và lợi nhuận của các doanh nghiệp (UNEP 2010).

Nhằm đảm bảo tính bền vững, đổi mới sản phẩm phải đáp ứng được yêu cầu thực tiễn liên quan đến những yếu tố trên đây. Theo đó, giải pháp thiết kế sản phẩm phát triển bền vững (Design for Sustainability-D4S-) là phương thức tổng quát nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng đã được công nhận và triển khai rộng trong sản xuất sản phẩm sạch hơn. Sản phẩm và dịch vụ sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng bền vững là nội dung được các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức sản xuất kinh doanh đặc biệt quan tâm. Những nỗ lực thiết kế phát triển bền vững đều nhằm vào cải thiện hiệu suất, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng cơ hội thị trường đồng thời giảm thiểu tác động môi trường.

Phát triển kinh tế và đảm bảo môi trường bền vững trong bối cảnh khủng hoảng mang tính toàn cầu đang là thách thức to lớn; hoạt động sản xuất kinh doanh phải đối phó với vấn nạn cạn kiệt tài nguyên và suy thoái môi trường bằng cách thích ứng việc kinh doanh với sử dụng hiệu quả những nguồn tài nguyên không thể tái tạo, sử dụng nguyên vật liệu thay thế thích hợp đối với tài nguyên cạn kiệt và tái chế tài nguyên khó tiêu hủy. Tất cả những hoạt động này đều nhằm vào phát triển sản phẩm bền vững.

---

Lê Thành Ý. TS., Viện Phát triển Nông thôn và Cộng đồng IDRC.

Tại những nước công nghiệp phát triển, phát triển bền vững là khái niệm rộng, gắn bó mật thiết giữa sản phẩm với dịch vụ; bao hàm những đổi mới cả về hệ thống và vòng đời sản phẩm. Sản phẩm bền vững được định nghĩa theo nhiều cách, song về bản chất đó là những vật dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu cơ bản và đem lại chất lượng cuộc sống tốt hơn trong khi vẫn duy trì được tiện ích của nền tảng sản xuất. Từ nhu cầu tối ưu hóa sử dụng nguồn lực trong chuỗi cung ứng và giá trị sản phẩm toàn cầu, thiết kế hướng tới phát triển bền vững (D4S) có phạm vi ngày càng mở rộng. Do những quy định nghiêm ngặt về loại bỏ sản phẩm sau sử dụng, các nhà kinh doanh buộc phải tìm cách sản xuất theo hướng nâng cao hiệu quả đồng thời với việc quan tâm giảm thiểu tác động môi trường. Thông qua sản xuất sạch hơn, nhiều doanh nghiệp đã tạo sự bất phá, đạt trình độ cao hơn so với phương thức sản xuất dựa vào tài nguyên thiên nhiên và lao động rẻ để gây tổn thương, ô nhiễm môi trường trong bước đầu công nghiệp hóa diễn ra ở nhiều nước đang phát triển.

Sử dụng tài nguyên hiệu quả và sản xuất sạch hơn (RECP) là quá trình liên quan đến việc áp dụng và thực hành quản lý môi trường mang tính phòng ngừa đối với sản phẩm, quy trình và dịch vụ công nghiệp với mục đích hướng tới cả 3 bình diện nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tăng cường quản lý môi trường và xúc tiến phát triển con người ([www.unido.org/cp](http://www.unido.org/cp)). Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) xác định, *sản xuất sạch hơn là việc áp dụng liên tục chiến lược phòng ngừa tổng hợp về môi trường vào các quá trình sản xuất, sản phẩm và dịch vụ nhằm nâng cao hiệu suất sinh thái và giảm thiểu rủi ro cho con người và môi trường* (UNEP 2010).

Quá trình sản xuất sạch hơn bao gồm: bảo toàn nguyên liệu và năng lượng, loại trừ các nguyên liệu độc hại; giảm cả về lượng và tính độc hại của mọi chất thải tại nguồn; giảm những ảnh hưởng tiêu cực trong suốt chu kỳ sống của sản phẩm (từ thiết kế đến thải bỏ); giảm thiểu rủi ro tác động đến con người và hỗ trợ phát triển bền vững cộng đồng. Giải pháp sản xuất sạch hơn (SXSH) không chỉ

đơn thuần thay đổi thiết bị, mà còn là những thay đổi vận hành và quản lý, được chia thành các nhóm khác nhau như giảm chất thải tại nguồn; tuần hoàn và cải tiến sản phẩm với những hoạt động quản lý nội vi, kiểm soát quá trình; thay đổi nguyên liệu, cải tiến thiết bị, đưa công nghệ mới vào sản xuất đồng thời với tận thu, tái sử dụng tại chỗ; tạo ra sản phẩm phụ; cải tiến thay đổi sản phẩm và thay đổi bao bì (VCCI, Bộ Công Thương 2012).

## **2. Sản xuất sạch hơn với đổi mới sản phẩm bền vững ở Việt Nam**

Sau chủ trương đổi mới, từ thập niên 1990, kinh tế Việt Nam đã phát triển mạnh trong trào lưu hội nhập toàn cầu. Phát triển kinh tế nhanh cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và khai thác tài nguyên gia tăng cũng gây nhiều hệ lụy môi trường. Trong khi trồng trọt mở rộng đi cùng phá rừng, làm thoái hóa đất đai; quá trình công nghiệp hóa lại là nguyên nhân dẫn đến gia tăng ô nhiễm không khí và nguồn nước. Mặt khác, phát triển nhanh các trung tâm đô thị khiến nguồn nước ngầm bị cạn kiệt, phát sinh thêm nhiều chất thải mà việc quản lý, xử lý còn nhiều nan giải.

Nhằm hỗ trợ kịp thời kiến thức và kinh nghiệm về phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong công nghiệp hóa theo hướng phát triển bền vững, năm 1998 tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hiệp Quốc (UNIDO) đã giúp Việt Nam thành lập Trung tâm sản xuất sạch hơn (Vietnam Cleaner Production Centre - VNCPC). Với mục tiêu phổ biến rộng rãi khái niệm SXSH và xây dựng một tổ chức đầy đủ tư cách pháp nhân, có khả năng xúc tác nâng cao năng lực; tạo thuận lợi để vận dụng SXSH trong các ngành công nghiệp, đồng thời làm đầu mối trong mạng lưới các Trung tâm quốc gia SXSH trên thế giới; UNIDO, UNEP và nhiều tổ chức toàn cầu đã hỗ trợ cho VNCPC thực hiện một số dự án nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp, hội nhập vào mạng lưới cung ứng và xúc tiến các phương thức sản xuất bền vững (Trần Văn Nhân 2013).

Trong giai đoạn đầu thực hiện, VNCPC đã tập trung vào hoạt động phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức; tổ chức đào tạo xây dựng năng lực; trình diễn kỹ thuật đánh giá và hỗ

trợ nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy SXSH trong công nghiệp. Trên nền tảng này, giai đoạn từ 2005 đến 2009, VNCP đã đi sâu nghiên cứu, đánh giá khoảng cách công nghệ và đầu tư đổi mới công nghệ; xây dựng và thực hiện các dự án về công nghệ sạch hơn nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho DNN&V thông qua các phương thức và công cụ hỗ trợ bền vững đối với hệ thống quản lý môi trường, sử dụng năng lượng, đánh giá khoảng cách công nghệ sạch hơn, quản lý chuỗi cung ứng, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, thiết kế vì phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên trong SXSH.

Từ năm 2010 khi hoạt động theo cơ chế tự chủ, cùng với thực hiện những dịch vụ SXSH tích hợp với các khách hàng truyền thống; VNCP đã chủ động hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế trong xây dựng các dự án theo hướng tích hợp SXSH với hiệu quả tài nguyên, đổi mới sản phẩm bền vững và quản lý theo chuỗi giá trị. Được tổ chức UN, UNIDO, UNEP, EU và nhiều tổ chức tài trợ khác, VNCP đã tiếp cận trên 300 doanh nghiệp để trợ giúp kỹ thuật và triển khai nghiên cứu thành công công nghệ sạch hơn trong xử lý nguyên liệu, giải quyết chất thải sinh khối, thu hồi nhiệt phục vụ sản xuất và dân sinh (Trần Văn Nhân 2013).

Kể từ khi thành lập, VNCP luôn là tài sản quan trọng của UNIDO trong lĩnh vực công nghiệp xanh tại Việt Nam. Báo cáo đánh giá độc lập công bố gần đây nhận định, VNCP đã thực hiện trên 340 dự án tư vấn dưới hình thức đánh giá SXSH, đánh giá lỗ hổng công nghệ, đánh giá công nghệ sạch; thực hiện CNSH với những đề xuất kỹ thuật tài chính, đổi mới sản phẩm bền vững. Phạm vi hoạt động của VNCP đã đem lại lợi ích cho các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, sản xuất kim loại chiếm 19%, chế biến thực phẩm 18%, dệt may 14%; thủ công mỹ nghệ 11%, giấy và bột giấy 11%.... Tuy khó lượng hóa chính xác đối tượng thụ hưởng gián tiếp, song theo Tổng cục Thống kê, có trên 2.000 doanh nghiệp sản xuất chế tạo áp dụng SXSH và rất có thể còn nhiều doanh nghiệp khác thuộc lĩnh vực phi sản xuất chế tạo được thụ hưởng.

Với hàm ý xem xét lại toàn bộ chuỗi kết quả thực hiện (đầu vào, đầu ra, kết quả và tác động), chuyên gia tư vấn độc lập của UNIDO đã đánh giá mức độ phù hợp về tác động chính sách của dự án SXSH thực hiện từ năm 1998 đến 2010 cả về tác động tích cực đối với môi trường và vị thế cạnh tranh công nghiệp trong sự hòa nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo đó, SXSH được coi là yếu tố cạnh tranh liên quan tới doanh nghiệp được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoạt động này.

Tầm quan trọng của SXSH đối với cạnh tranh đã được trên 83% doanh nghiệp khảo sát đánh giá từ quan trọng đến đặc biệt quan trọng, không có đơn vị nào coi là không quan trọng. SXSH do VNCP đề xuất cho các DNN&V đã tiết kiệm được 7% tổng lượng điện tiêu thụ, 9% lượng than, 7% nhiên liệu, 7% dầu diesel, 20% khí hóa lỏng, 18% lượng nước và 25% hóa chất. Trung bình một công ty đầu tư thực hiện phương án SXSH xấp xỉ 110.000 USD và tiết kiệm hàng năm được khoảng 75.000 USD (Patrick J. Gilabert 2013).

Cũng theo đánh giá độc lập đưa ra, kết quả thực hiện đã có sức lan tỏa, thể hiện thành công trong cung cấp các khuyến nghị chính sách nâng tầm hỗ trợ doanh nghiệp. Việc kết hợp khuyến nghị chính sách trong xây dựng mạng lưới và mở rộng các dự án trình diễn cho thấy, đây là một chiến lược đúng đắn để có được thành công đưa SXSH vào các chương trình nghị sự của giới doanh nghiệp và lãnh đạo nhà nước; góp phần quan trọng giải quyết ô nhiễm môi trường công nghiệp.

Tổn thương môi trường đã được lãnh đạo nhà nước thừa nhận; Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách và công cụ pháp lý hướng tới mục tiêu sản xuất và tiêu thụ bền vững. Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đã nhấn mạnh đến tái cấu trúc nền kinh tế và thay đổi thể chế nhằm sử dụng tài nguyên hiệu quả; kế hoạch hành động quốc gia về sản xuất và tiêu thụ bền vững đang được khẩn trương chuẩn bị để sớm ban hành.

Từ những nỗ lực đáng ghi nhận trong thúc đẩy hoạt động SXSH, cam kết của Chính phủ thông qua chiến lược SXSH đã được phê duyệt trong năm 2009. Chiến lược này được xây dựng trên nền tảng kết quả của nhiều

doanh nghiệp xúc tiến áp dụng SXSH. Trong đó, VNCPCC đã góp phần tích cực trong thực tiễn cũng như chuẩn bị thiết lập điều kiện cơ bản về thể chế, pháp lý và nguồn lực để thực hiện trên diện rộng chiến lược SXSH trong ngành công nghiệp (UNIDO 2012).

Trong triển khai chiến lược SXSH, có trên 50 tỉnh tham gia thực hiện. Ở cấp TW, các tổ chức nhà nước đã ban hành những hướng dẫn chung, hướng dẫn SXSH cho DNN&V, hướng dẫn lồng ghép SXSH với hệ thống ISO 14.001 trong quản lý, hướng dẫn xây dựng đơn vị SXSH cấp tỉnh đồng thời với 18 hướng dẫn SXSH cho các chuyên ngành công nghiệp. Ngoài văn phòng giúp việc Ban điều hành chiến lược SXSH trong công nghiệp thuộc bộ Công Thương, đến nay, ở nhiều địa phương đã thành lập tổ chức SXSH; các kế hoạch hành động đã được xây dựng ở các tỉnh mục tiêu và trên 40 tỉnh khác đã khởi động hoạt động thúc đẩy SXSH, mạng lưới SXSH đã mở rộng đáng kể so với trước khi ban hành chiến lược SXSH ( Nguyễn Thị Lâm Giang 2013).

### **3. SXSH hướng tới tiêu dùng bền vững, tiếp cận từ phía doanh nghiệp**

Ấn tượng về thành công trong chương trình hỗ trợ của UNIDO đối với SXSH ở Việt Nam đã giúp chúng tôi tìm đến và có dịp được trao đổi cùng một số doanh nghiệp tham gia thực hiện. Xuất phát từ thế mạnh, điểm yếu, nét riêng đặc thù của từng ngành hàng; mỗi doanh nghiệp đều có cách đi riêng trong chiến lược đổi mới công nghệ, sản phẩm và lồng ghép hoạt động SXSH với sử dụng năng lượng, nguyên nhiên vật liệu trong tổ chức sản xuất. Từ việc làm theo hướng tiếp cận gắn với sản xuất và tiêu dùng bền vững của công ty Xuân Hòa (Vĩnh Phúc), có thể nhận ra nhiều vấn đề mang tính hệ thống cần được quan tâm trong thực hiện chiến lược SXSH trong ngành công nghiệp.

Là đơn vị có quy mô 700 lao động, doanh thu hàng năm trên 340 tỷ VND; công ty Xuân Hòa sản xuất khoảng 300 loại sản phẩm, từ trang thiết bị nội thất đến phụ tùng ô tô, xe máy cung cấp cho thị trường rộng lớn của 63 tỉnh, thành phố cả nước và xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới. Quá trình vận dụng tiêu chuẩn quản lý theo hệ thống ISO nhất là

ISO 14.000 đã đặt doanh nghiệp trước nhiều bài toán khó về chi phí “cuối đường ống”, đặc biệt là xử lý chất thải và sức ép từ những bộ quy tắc ứng xử hoặc hệ tiêu chuẩn của đối tác nước ngoài. Thực tế diễn ra đã thúc đẩy doanh nghiệp phải tìm giải pháp thích hợp nhằm kịp thời đổi mới công nghệ và sản phẩm để phát triển sản xuất lâu dài.

Được mời tham gia dự án từ VNCPCC, Xuân Hòa coi đây là cơ hội hiếm có để nâng cao nhận thức về phương pháp luận cũng như nhận được tư vấn, hỗ trợ thực hiện SXSH một cách hệ thống. Ngay khi tham gia, công ty xác định sẽ thực hiện cách tiếp cận mới cả về bảo dưỡng công nghiệp và tiết kiệm năng lượng; phấn đấu học hỏi để nắm bắt và vận dụng được phương pháp thiết kế hướng tới phát triển bền vững (D4S) và tiếp cận nguyên tắc gắn nhãn mác sinh thái cho sản phẩm tiêu dùng.

Bắt đầu tham gia dự án SXSH vào năm 2003; sau những khảo sát đầu nguồn, xem xét chất thải để làm rõ nguyên nhân phát sinh; Xuân Hòa đã thực hiện các bước đi theo quy trình và phương pháp luận từ khởi động, phân tích quá trình công nghệ, đề xuất để lựa chọn cơ hội đến tổ chức thực hiện và duy trì lâu dài SXSH. Theo đó, trong giai đoạn đầu, công ty đã tổ chức thực hiện 45 giải pháp (trong 49 đề xuất), tập trung vào quản lý nội vi (62,2%), kiểm soát quá trình thực hiện tốt hơn (13,3%); số giải pháp thay đổi thiết bị không nhiều (6,6%); tuân hoàn tái sử dụng và thay đổi quá trình đều chiếm tỷ lệ 8,8%.

Từ những giải pháp tiến hành theo trình tự đặt ra; trong năm đầu thực hiện, doanh nghiệp đã giảm được 30% lượng nước tiêu thụ, 13,3% lượng dầu, 12,6% lượng điện, 9,3% khí gas. Nhờ giảm được 30% nước thải và trên 10% khí thải, SXSH đã góp phần thiết thực vào bảo vệ môi trường sản xuất. Với tổng vốn đầu tư thực hiện 212 triệu VNĐ, lợi ích mang lại trong năm đạt trên 1,176 tỷ VNĐ (gấp 5,5 lần chi phí bỏ ra). Thành công quá sức tưởng tượng trong bước khởi đầu đã tạo niềm tin, thúc đẩy doanh nghiệp tiếp tục duy trì và mở rộng hơn nữa việc thực hiện SXSH cả trong bảo dưỡng công nghiệp và đổi mới thiết kế ở giai đoạn sau.

Phân tích tình hình sử dụng thiết bị trong doanh nghiệp theo phương pháp luận SXSH, lãnh đạo công ty đã nhận ra nhiều lỗ hổng trong khâu bảo dưỡng, khai thác sử dụng thiết bị nhất là đối với lò hơi chạy dầu. Từ kết quả thu thập dữ liệu, phân tích tìm sự cố, nguyên nhân, đề xuất lựa chọn giải pháp khắc phục khả thi; lãnh đạo công ty đã quyết định thành lập nhóm bảo dưỡng công nghiệp nhằm đảm bảo mức độ sẵn sàng cao nhất của trang thiết bị, thỏa mãn được yêu cầu sản xuất cả về chất lượng và độ an toàn với chi phí tối ưu. Theo hướng dự án đề xuất, công ty thực hiện trên 20 hành động tập trung vào củng cố quy trình, quy định và kiểm soát nội dung bảo dưỡng; bổ sung, tăng cường kiểm tra thiết bị đo kiểm; cải tạo hệ thống phụ trợ và đặc biệt quan tâm đào tạo bồi dưỡng nhân viên bảo dưỡng. Với mục tiêu đưa các quy trình, quy định bảo dưỡng thực thi phù hợp với điều kiện sản xuất của doanh nghiệp, công ty đã thay đổi quy trình và cấp độ bảo dưỡng theo giờ (600, 1.200, 1.800 và 2.400) thành các quy định theo tuần, tháng, quý và nửa năm. Thực thi bảo dưỡng công nghiệp theo quy trình dự án, doanh nghiệp đã giảm được số giờ dừng máy do hỏng hóc đột xuất tới 30%; do tiết kiệm được năng lượng, nguyên liệu sử dụng và chi phí phụ tùng thay thế, khoản tiền làm lợi hàng năm đã lên trên 578,4 triệu VNĐ. Tính chung 3 năm từ 2010 đến 2012, công ty đã tiết giảm được 8,143 triệu Kwh điện, trên 156,9 nghìn m<sup>3</sup> nước và hơn 216,9 nghìn lít dầu DO.

Thành công trong triển khai dự án SXSH và thực hiện quy trình bảo dưỡng công nghiệp theo phương pháp luận SXSH đã củng cố niềm tin, thúc đẩy doanh nghiệp mạnh dạn đi theo hướng thiết kế phát triển bền vững D4S. Trên cơ sở lựa chọn mặt hàng lớn nhất và bán chạy nhất, thời gian từ 2008 đến 2009, Xuân Hòa đã tập trung vào cải tiến sản phẩm theo 10 bước thực hiện của D4S nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm tốt hơn cho người dân và xã hội, đem lại lợi ích cho công nghiệp và cộng đồng, đồng thời với giảm thiểu tác động môi trường.

Chiến lược thực hiện D4S của doanh nghiệp đã hướng vào, lựa chọn nguyên vật liệu gây tác động thấp, giảm thiểu sử dụng

nguyên vật liệu, giảm tác động trong quá trình sử dụng; tối ưu hóa công nghệ sản xuất, hệ thống phân phối trong giai đoạn đầu và giai đoạn loại bỏ của vòng đời sản phẩm. Theo hướng đi này, doanh nghiệp đã cải tiến nhiều mặt hàng cũ với giá thành và chi phí sản xuất thấp; phát triển được dòng sản phẩm mới gồm 12 mặt hàng với đặc tính hướng tới sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Cùng với công nghệ và những modul được sử dụng, việc ứng dụng công nghệ ít ô nhiễm và vật liệu tái tạo nhiều hơn (dùng tre thay gỗ MDF) theo thiết kế D4S đã tạo ra những kiểu dáng trẻ trung, hiện đại và sử dụng an toàn trong suốt quá trình sử dụng; dòng sản phẩm mới của doanh nghiệp được người tiêu dùng và thị trường trong, ngoài nước chấp nhận rộng rãi.

Sau hơn 10 năm bền bỉ thực hiện chương trình SXSH theo hướng sản xuất và tiêu dùng bền vững, Phó Giám đốc Công ty Xuân Hòa, Đặng Xuân Thùy nhận xét, SXSH mang tính thực tiễn rất cao, đó là xu hướng tất yếu của xã hội phát triển. Trong SXSH, nhà sản xuất giảm được chi phí, tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu tác động môi trường. Thông qua SXSH, doanh nghiệp củng cố được nhận thức, nâng cao hơn trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng và xã hội; đặc biệt hình ảnh doanh nghiệp được ghi nhận cùng với tăng cường năng lực cạnh tranh. Với người tiêu dùng, họ được sử dụng sản phẩm an toàn hơn cho sức khỏe và cuộc sống; qua đó, nhận thức của cộng đồng đối với môi trường và xã hội ngày một nâng cao (Đặng Xuân Thùy 2013).

\*

\* \*

Sau 15 năm được UNIDO và các tổ chức quốc tế tài trợ, VNCP đã phổ biến rộng rãi khái niệm SXSH và đã đảm nhận được vai trò xúc tác, tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy áp dụng trong ngành công nghiệp. SXSH được xã hội đánh giá cao, doanh nghiệp sẵn sàng đón nhận và lãnh đạo nhà nước đã xây dựng thành chiến lược phát triển đến năm 2020 là những minh chứng cho sự phù hợp và tính khả thi. Tuy nhiên, việc thúc đẩy SXSH tại các địa phương, trong các tổng công ty, tập đoàn sản xuất đang còn bất cập cả về nhận thức, tổ

chức thực thi và đặc biệt là thiếu chuyên gia am hiểu về hoạt động này.

Là nhân tố cốt lõi trong giai đoạn đầu của sản xuất và tiêu dùng bền vững, SXSH đang có vai trò mở đường; song theo đánh giá của các chuyên gia tư vấn độc lập, nếu không có đầu vào về tài chính và kỹ thuật của UNIDO trong những năm qua thì VNCPCC sẽ khó tồn tại và hoạt động được như trạng thái hiện nay. Để sản xuất và tiêu dùng bền vững có thể phổ biến trong tương lai, rất cần sự quan tâm và hỗ trợ thiết thực từ phía các tổ chức nhà nước, các hiệp hội ngành hàng và các cơ quan nghiên cứu để đẩy nhanh quá trình tiếp cận tri thức mới, giúp người dân nhận thức đúng về sản phẩm để thay đổi hành vi tiêu dùng, tạo nền tảng vững chắc cho sản xuất bền vững. Theo đó, Nhà nước cần có khung pháp lý và những chính sách hỗ trợ thiết thực, tạo điều kiện để doanh nghiệp có thể triển khai đúng hướng, thực hiện hiệu quả SXSH trong bước

khởi đầu hướng tới sản xuất và tiêu dùng bền vững của nền kinh tế xanh./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh*, Hà Nội, 25-9-2012.
2. UNEP, *Thiết kế hướng tới phát triển bền vững, hướng đi thực tiễn cho các nước đang phát triển* www.Uneptie.fr/pc
3. UNIDO, *Hướng tới tăng trưởng xanh từ phát triển công nghiệp xanh tại Việt Nam*, Hà Nội, 10-2012.
4. Trần Văn Nhân, *Trung tâm SXSH Việt Nam 15 năm xây dựng và phát triển*, Hà Nội 18-4-2013.
5. Patrick J. Gilabert, Báo cáo kết quả đánh giá độc lập “*Sự hỗ trợ của UNIDO cho Trung tâm sản xuất sạch hơn Việt Nam*”, Hà Nội, 18-4-2013.
6. Nguyễn Thị Lâm Giang, *Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và triển khai áp dụng SXSH trên quy mô cả nước*, Hà Nội, 18-4-2013.